1. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành:

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày công trình bắt đầu vận hành, chủ giấy phép phải nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Chủ giấy phép nộp 02 bộ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ:

 + Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do.

 + Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp công trình đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà chỉ có sự thay đổi tên chủ giấy phép (cấp lại) và không có sự thay đổi các căn cứ tính tiền cấp quyền theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã phê duyệt trước đó thì không phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền. Trong nội dung giấy phép cấp lại phải quy định rõ việc chủ giấy phép mới phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền trước đó.

 - Bước 3: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Bước 4: Trả kết quả: Sau khi ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

1. 2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ: Tổ chức (cá nhân) nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc qua đường bưu điện. Cán bộ tiếp nhận viết biên nhận hồ sơ; hoặc nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

 - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

1.3. Thành phần hồ sơ:

 - Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.

 - Bản sao: Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

1.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, trong đó:

 - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.

Sau khi ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế ra thông báo nộp tiền (*Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP)* gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

1.9. Phí, lệ phí: không

1.10. Tên mẫu kê khai, mẫu quyết định của thủ tục hành chính:

 - Mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước *(Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).*

 - Mẫu quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước *(Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).*

1.11. Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

1.12. Căn cứ pháp lý:

 - Luật tài nguyên nước năm 2012.

 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

**PHỤ LỤC III**

MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
*(Kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BẢN KÊ KHAI**

**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
*(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

**I. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai: …………………………………………………………………

2. Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………

3. Số điện thoại: ………………………………; Fax: …………………………………………….

4. Người đại diện theo pháp luật: …………………………………………………………………

5. Chức vụ: ………………………………………………………………………………………….

6. Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………….

7. Tên công trình khai thác: ……………………………………………………………………….

8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: …………………………………………………

9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành: ………………………………………

Trường hợp công trình đã được cấp phép thi kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

**II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính quyền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ nhưng nội dung điều chỉnh).

- ……………………………………………………………………………………………………

**III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: ……….. (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên: ………………………………………………………………

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo: ……………………………………………………….

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: …………………………………………………………….

2. Phương án nộp tiền hằng năm

□ Một lần/năm □ Hai lần/năm □ Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: …………………. (VNĐ).

*(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai)* cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

4. Bãi bỏ Phụ lục IV.

5. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục V như sau:

**PHỤ LỤC V**

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
*(Kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/UBND TỈNH ...**-------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………./…………… | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt *(hoặc điều chỉnh)* tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của *(tên chủ giấy phép)*, khai thác nguồn *(nước mặt/nước dưới đất)* công trình ……..**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CƠ QUAN PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định .... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là Bộ Tài nguyên và Môi trường)/Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là UBND cấp tỉnh);*

*Căn cứ Nghị định số ……. ngày …. tháng .... năm ... của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước ……………………………………………………..*

*Căn cứ ……………………………………………………..……………………………………………*

*Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác) của (tên chủ giấy phép) và hồ sơ kèm theo....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế) theo Giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) số.... (số giấy phép), ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: …………………………………………………

2. Mục đích sử dụng nước của công trình: ………………………………………………….

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: ……………………………………………………

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng: ……………………………………

5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: …………………………………………………….

6. Tổng số tiền phải nộp:.... (ghi bằng chữ): …………………………………………………

- Số tiền phải nộp cho từng mục đích: ……………………………………………………..

- Số tiền phải nộp theo năm: ………………………………………………………………….

+ Số tiền phải nộp năm đầu (từ ngày ... đến ngày...) là: ……………………………………

+ Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là: ……………………………………

+ Số tiền phải nộp năm cuối là (từ ngày ... đến ngày...) là: …………………………………

- ……………………………………………………………………………………………………

7. Phương án nộp tiền: ……………………………………

8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế ………………………………………………………………………………………………………

9. Các nội dung quy định khác (nếu cần): ……………………………………………………..

**Điều 2.** Quy định cụ thể trách nhiệm của Cục Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước …………..; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo …………………………………………………………………..………………………………………

**Điều 3.** Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- (Tên chủ giấy phép);- Cơ quan trình;- Cục thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;- …………………..;- Lưu: VT, VP, … cơ quan trình. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT/ TM. CƠ QUAN PHÊ DUYỆT***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*  |